

Hoàng Đình Ân:  
Lãnh đạo, các  
phòng

SỞ Y TẾ QUẢNG TRỊ  
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH  
THỰC PHẨM

Số: /BC-CC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày tháng 9 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**HOẠT ĐỘNG AN TOÀN THỰC PHẨM 9 THÁNG ĐẦU NĂM**  
**VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 3 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

Kính gửi: Sở Y tế

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC AN TOÀN THỰC PHẨM 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

**1. Công tác tham mưu, quản lý, chỉ đạo, điều hành**

**\* Chi cục ATVSTP đã tham mưu giúp Sở Y tế trình UBND tỉnh ban hành:**

Công văn số 2239/UBND-KGVX ngày 16/05/2024 v/v ngăn ngừa, xử lý ngộ độc thực phẩm.

**\* Chi cục ATVSTP đã tham mưu giúp BCĐLN về VSATTP tỉnh ban hành:**

Kế hoạch số 93/KH-BCĐ ngày 19/12/2023 về việc Triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP) Tết Nguyên đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân 2024. Kế hoạch số 34/KH-BCĐ ngày 07/02/2024 về Triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Kế hoạch số 43/KH-BCĐ ngày 01/4/2024 về Triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2024. Giấy mời số 26/GM-BCĐ ngày 09/4/2024 về Tham dự Lễ phát động “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2024 tại huyện Vĩnh Linh. Báo cáo số 139/BC-BCĐ ngày 24/5/2024 Kết quả kiểm tra Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2024. Báo cáo số 138/BC-BCĐ ngày 24/5/2024 về Tháng hành động vì An toàn thực phẩm năm 2024. Công văn số 1793/BCĐ-ATTP ngày 20/8/2024 v/v tăng cường bảo đảm ATTP Tết Trung Thu năm 2024.

**\* Chi cục ATVSTP đã tham mưu giúp Sở Y tế ban hành:**

Kế hoạch số 97/KH-SYT ngày 25/12/2023 về Triển khai hoạt động kiểm tra về ATTP năm 2024. Quyết định số 11/QĐ-SYT ngày 04/01/2024 Thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về ATTP tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh và nhập khẩu thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân 2024. Kế hoạch số 11/KH-SYT ngày 29/01/2024 về Triển khai hoạt động phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm năm 2024. Công văn số 179/SYT-NVY ngày 22/01/2024 V/v tham gia góp ý Dự thảo Kế hoạch triển khai công tác hậu kiểm về ATTP năm 2024. Tờ trình số 29/TTr-SYT ngày 02/02/2024 Về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Báo cáo số 39/BC-SYT ngày 20/02/2024 về Triển khai Kế hoạch bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân năm 2024. Kế hoạch số 44/KH-SYT ngày 01/4/2024 về việc triển khai công tác truyền thông đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc năm 2024; Kế hoạch số 48/KH-SYT ngày 05/04/2024 về việc phối hợp triển khai tổ chức Lễ phát động “Tháng hành động vì an toàn thực

phẩm” năm 2024 tại huyện Vĩnh Linh; các giấy mời, công văn tuyên truyền tháng hành động. Quyết định số 265/QĐ-SYT ngày 23/4/2024 về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành ATTP trong dịp Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2024. Kế hoạch số 84/KH-SYT ngày 05/7/2024 về Triển khai phối hợp hậu kiểm về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2024. Thông báo số 72/TB-SYT ngày 30/8/2024 Ý kiến Kết luận của Phó giám đốc Sở Y tế Nguyễn Xuân Dũng tại Hội nghị Triển khai các văn bản QPPL về ATTP và Sơ kết công tác bảo đảm ATTP ngành Y tế 6 tháng đầu năm, triển khai kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024.

**\* Chi cục ATVSTP đã ban hành:**

Kế hoạch số 14/KH-CC ngày 19/02/2024 về Hoạt động đảm bảo An toàn thực phẩm năm 2024. Kế hoạch số 41/KH-CC ngày 26/12/2023 về việc Truyền thông và giám an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân 2024. Kế hoạch số 20/KH-CC ngày 04/04/2024 về việc triển khai công tác truyền thông đảm bảo an toàn thực phẩm năm 2024. Kế hoạch số 22/KH-CC ngày 15/4/2024 về Tập huấn phổ biến kiến thức và các văn bản pháp luật về ATTP cho các cơ sở dịch vụ nấu ăn lưu động trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Kế hoạch số 20/KH-CC ngày 04/04/2024 về việc triển khai công tác truyền thông đảm bảo an toàn thực phẩm năm 2024. Kế hoạch số 24/KH-CC ngày 24/4/2024 về kiểm tra liên ngành "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm" năm 2024. Kế hoạch 25/KH-CC ngày 06/05/2024 về Tập huấn triển khai sử dụng Hệ thống quản trị an toàn thực phẩm tại tỉnh Quảng Trị. Kế hoạch số 27/KH-CC ngày 27/05/2024 về giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm phục vụ Lễ hội Vì hòa bình năm 2024. Kế hoạch số 30/KH-CC ngày 07/06/2024 giám sát, kiểm tra an toàn thực phẩm phục vụ Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông và tuyển sinh Đại học, Cao đẳng, Giáo dục nghề nghiệp năm 2024. Kế hoạch số 32/KH-CC ngày 28/6/2024 đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ các sự kiện diễn ra trên địa bàn tỉnh. Kế hoạch số 36/KH-CC ngày 12/8/2024 Hội nghị Triển khai các văn bản QPPL về ATTP, Sơ kết công tác bảo đảm ATTP ngành Y tế 6 tháng đầu năm, Triển khai kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024. Các công văn về công tác ATTP.<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> Kế hoạch số 07/KH-CC ngày 02/02/2024 về Triển khai hoạt động phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm năm 2024; Kế hoạch số 08/KH-CC ngày 02/02/2024 về Triển khai các nhiệm vụ công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính tại Chi cục ATVSTP năm 2024. Công văn số 61/CC-TTra ngày 19/4/2024 v/v giám sát sản phẩm thực phẩm Detox Táo. Công văn số 65/CC-TTra ngày 23/04/2024 v/v kiểm tra, rà soát nguyên liệu, sản phẩm chứa men gạo đỏ có nguồn gốc từ Nhật Bản. Công văn số 66/CC-NV v/v đảm bảo ATTP trong dịp nghỉ lễ 30/4 và 01/5 năm 2024. Công văn số 69/CC-NV ngày 03/05/2024 v/v kiểm tra, rà soát nguyên liệu, sản phẩm chứa men gạo đỏ có nguồn gốc từ Nhật Bản. Công văn số 74/CC-NV ngày 14/05/2024 về việc phòng chống ngộ độc thực phẩm do độc tố tự nhiên. Công văn số 75/CC-TTra ngày 17/05/2024 v/v giám sát sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe của Công ty TNHH Novamed trên địa bàn. Công văn số 76/CC-TTra ngày 21/05/2024 v/v kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính về ATTP. Công văn số 79/CC-NV ngày 24/05/2024 về việc giám sát hoạt động của các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. Công văn số 82/CC-TH ngày 31/5/2024, Phúc đáp Công văn số 502/CSKT-Đ4 ngày 28/5/2024 của Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh về việc phối hợp kiểm tra cơ sở kinh doanh có liên quan đến vi phạm hành chính về môi trường, an toàn thực phẩm. Công văn số 88/CC-NV ngày 07/06/2024 về việc triển khai sử dụng Hệ thống quản trị an toàn thực phẩm. Công văn số 89/CC-NV ngày 11/06/2024 v/v bảo đảm an toàn thực phẩm, ngăn ngừa ngộ độc thực phẩm đối với các cơ sở do Ngành Y tế Quản lý. Công văn số 101/CC-NV ngày 15/7/2024 về việc phòng chống ngộ độc thực phẩm do Histamine. Công văn 104/CC-NV ngày 16/07/2024 về việc đảm bảo ATTP phục vụ Chương trình nghệ thuật chính luận "Vĩ tuyến 17- Khát vọng hòa bình". Công văn số 105/CC-NV ngày 17/07/2024 về việc đảm bảo ATTP phục vụ một số sự kiện của Lễ hội vì Hoà bình tại Thị xã Quảng Trị. Công văn số 117/CC-NV ngày 16/08/2024 về việc tăng cường phòng ngừa ngộ độc thực phẩm do thiên tai, mùa mưa bão năm 2024. Công văn số 127/CC-NV ngày 30/08/2024 về việc tăng cường tuyên truyền phòng ngừa ngộ độc độc tố tự nhiên. Công văn số 109/CC-TH và số 110/CC-TH ngày 26/07/2024 v/v kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính về ATTP. Quyết định số 85/QĐ-CC ngày 25/7/2024 v/v thu hồi sản phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm đối với Cơ sở sản xuất nước uống đóng chai Hoàng Hải. Quyết

**\* Huyện, thị xã, thành phố:**

- Ban hành Kế hoạch chỉ đạo tăng cường đảm bảo ATTP Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024<sup>2</sup>. Kế hoạch và các văn bản chỉ đạo “Triển khai tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2024”.<sup>3</sup> Công văn chỉ đạo tăng cường bảo đảm ATTP Tết Trung Thu năm 2024<sup>4</sup>.

- UBND huyện Gio Linh ban hành Công văn số 1402/UBND-KGVX ngày 24/5/2024 của UBND huyện về việc Hướng dẫn phân công nhiệm vụ cho công chức phụ trách công tác an toàn thực phẩm tại xã, thị trấn.

**2. Hoạt động thông tin, truyền thông**

**\* Kết quả hoạt động thông tin, truyền thông chi tiết: (Bảng biểu 1)**

Trong 9 tháng đầu năm, các hoạt động truyền thông trên địa bàn toàn tỉnh được triển khai một cách đồng bộ với nhiều hình thức cụ thể như sau: đã tổ chức 02 Lễ phát động (01 Lễ phát động cấp tỉnh tổ chức tại Nhà thi đấu và luyện tập thể dục thể thao huyện Vĩnh Linh và 01 Lễ phát động cấp huyện tại xã Tà Rụt, huyện ĐaKrông), 01 Hội nghị triển khai hoạt động tháng hành động vì ATTP (Tại huyện Gio Linh), 01 Hội nghị Triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về ATTP, sơ kết công tác bảo đảm ATTP ngành Y tế 6 tháng đầu năm và triển khai kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024; Phối hợp với Đài phát thanh truyền hình: phát thanh trực tiếp 2 chuyên mục: An toàn thực phẩm trong mùa nắng nóng, nhịp cầu pháp luật những quy định mới nhất về vệ sinh an toàn thực phẩm, 02 phóng sự đảm bảo an toàn thực phẩm Tết Giáp Thìn 2024 và Đảm bảo an toàn thực phẩm mùa nắng nóng, đưa 20 lượt tin, phóng sự về hoạt động an toàn thực phẩm trên Đài truyền hình, 2.778 lượt trên đài phát thanh, loa tuyên truyền tại các thôn, xã, các chợ, đăng và gửi đăng 88 lượt tin bài viết/Video tuyên truyền về đảm bảo an toàn thực phẩm, về cải cách hành chính trong công tác ATTP, cảnh báo ngộ độc, đăng các sản phẩm tự công bố và công khai, thông báo các cơ sở vi phạm trên các báo, trang thông tin điện tử các đơn vị và Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, 09 buổi tuyên truyền bằng xe lưu động, treo 455 băng rôn khẩu hiệu vượt đường, cấp phát 15.997 tờ gấp, 542 Tranh - Áp phích, 500 mũ tuyên truyền,... Triển khai tuyên truyền lồng ghép trong 242 buổi nói chuyện với 8.928 người tham gia lồng ghép trong các buổi họp thôn, bản; Tổ

---

định số 85/QĐ-CC ngày 25/7/2024 v/v thu hồi sản phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm đối với Cơ sở sản xuất nước uống đóng chai Tiến Nam. Quyết định số 89/QĐ-CC ngày 12/08/2024 v/v giám sát an toàn thực phẩm phục vụ kỳ Hành hương thường niên La Vang năm 2024. Quyết định số 90/QĐ-CC ngày 12/08/2024 v/v tiếp tục giám sát an toàn thực phẩm phục vụ các chương trình nghệ thuật Lễ hội vì hòa bình.

<sup>2</sup> TP. Đông Hà: Kế hoạch số 3008/KH-BCĐ ngày 27/12/2023, Vĩnh Linh: Kế hoạch số 15//KH-BCĐ, ngày 27/12/2023, Gio Linh: Kế hoạch số 76/KH-BCĐLNVSATTP ngày 25/12/2023, Triệu Phong: Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03/01/2024, TX Quảng Trị: Kế hoạch số 80/KH-BCĐ ngày 22/12/2023, Hải Lăng: Kế hoạch số 196/KH-BCĐ ngày 31/12/2023, Cam Lộ: Kế hoạch số 03/KH-BCĐ ngày 25/12/2023, ĐaKrông: Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 22/01/2024, Hướng Hóa: Kế hoạch số 10/KH-BCĐ ngày 04/01/2024.

<sup>3</sup> TP. Đông Hà: Kế hoạch số 102/KH-BCĐ ngày 11/4/2024; Cam Lộ: Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 09/4/2024; Gio Linh: kế hoạch số 22/KH-BCĐ ngày 04/4/2024; TX. Quảng Trị: Kế hoạch số 25/KH-BCĐLNVSATTP ngày 05/4/2024; ĐaKrông: Kế hoạch số 42/KH-BCĐ ngày 08/4/2024; Hải Lăng: Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 04/4/2024; Hướng Hóa: Kế hoạch số 264/KH-BCĐ ngày 11/4/2024; Vĩnh Linh: Kế hoạch số 07/KH-BCĐ ngày 04/4/2024; Triệu Phong: Kế hoạch số 89/KH-BCĐ ngày 11/4/2024.

<sup>4</sup> TP. Đông Hà: Công văn số 1862/BCĐLNVSATTP ngày 23/8/2024; Cam Lộ: Công văn số 03/BCĐ-ATTP ngày 06/9/2024; Gio Linh: Công văn số 38/BCĐ-ATTP ngày 22/8/2024; TX. Quảng Trị: Công văn số 50/BCĐ-ATTP ngày 23/8/2024; Hướng Hóa: Công văn số 1553/BCĐ-ATTP ngày 10/9/2024; Vĩnh Linh: Công văn số 12/BCĐ-ATTP ngày 30/8/2024.

chức 34 lớp tập huấn cho 1.787 cán bộ quản lý an toàn thực phẩm, người trực tiếp chế biến trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố.

Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị phòng chống ngộ độc thực phẩm trong mùa mưa bão, phòng chống ngộ độc thực phẩm do độc tố tự nhiên, Tết trung thu năm 2024. Tuyên truyền cho người dân tuyệt đối không chế biến thực phẩm từ các động vật chết bệnh, chết không rõ nguyên nhân, các loại nấm độc, hoa, cây, quả lạ.

Ngoài ra, thông qua các hoạt động giám sát, kiểm tra ngành Y tế đã triển khai truyền thông trực tiếp các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đến 6.124 lượt cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm.

### **3. Hoạt động thanh tra, kiểm tra**

#### **\* Kết quả hoạt động kiểm tra chi tiết toàn tỉnh (Bảng biểu 2)**

Trong 9 tháng đầu năm, toàn tỉnh đã thành lập 376 đoàn kiểm tra. Qua kiểm tra 4.447 lượt cơ sở, đã ghi nhận có 4.051 lượt cơ sở được kiểm tra đạt yêu cầu (chiếm tỷ lệ 91,1 %) và 396 lượt cơ sở có vi phạm (chiếm tỷ lệ 8,9%); Phạt tiền 27 cơ sở với tổng số tiền 91.700.000 đồng (*Trong đó tuyến tỉnh xử phạt 55.600.000 đồng, tuyến huyện 32.100.000 đồng và tuyến xã phạt 4.000.000 đồng*).

Ngoài ra các đoàn kiểm tra còn đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với 02 cơ sở sản xuất nước uống đóng chai có kết quả mẫu kiểm nghiệm không đạt, buộc tiêu hủy 59 loại sản phẩm các loại hết hạn sử dụng, không bảo đảm chất lượng an toàn thực phẩm, Hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ.

### **4. Kiểm nghiệm thực phẩm**

#### **Kết quả kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ hoạt động kiểm tra (Bảng biểu 3)**

Trong quá trình kiểm tra các đoàn đã lấy 315 mẫu thực phẩm và dụng cụ bát đĩa cụ thể:

- Test nhanh 294 mẫu thực phẩm và các dụng cụ bát đĩa (chả kiểm tra tồn dư hàn the; mẫu mứt dừa kiểm tra sunfit; mẫu bún, bánh ướt kiểm tra formol, kiểm tra độ sạch bát đĩa). Có 04 mẫu không đạt (1,36%) tại huyện Vĩnh Linh test nhanh phát hiện tinh bột trên bát đĩa.

- Xét nghiệm tại labo 21 mẫu (02 mẫu hạt dưa, 01 mẫu mứt dừa, 01 mẫu miến Dong, 01 mẫu Bột bánh canh, 01 mẫu chà bông cay, 14 mẫu nước uống đóng chai, 01 mẫu chai pét). Có 3/21 (14,3%) mẫu không đạt gồm 02 mẫu nước uống đóng chai và 01 mẫu mứt dừa. Các đoàn đã xử lý các mẫu thực phẩm không đạt chất lượng theo quy định của pháp luật.

### **5. Ngộ độc thực phẩm**

Trong 9 tháng đầu năm, trên địa bàn tỉnh có 02 vụ ngộ độc làm 29 người mắc, không có trường hợp tử vong (01 vụ Tại trường tiểu học Cam Hiếu, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ có 23 người mắc, chưa rõ nguyên nhân và 01 vụ ngộ độc xảy ra tại thôn Tà Đủ, xã Tân Hợp, huyện Hướng Hóa làm 6 người mắc nghi ngộ độc do ăn quả Dầu mè mọc bờ rào). So với cùng kỳ năm 2023 số vụ ngộ độc tăng 01 vụ, số người mắc giảm 47,39% (*Bảng biểu 4*).

### **6. Công tác quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm**

#### **Số liệu tích lũy đến tháng 6 năm 2023: (Bảng biểu 5)**

- Tổng số cơ sở thực phẩm trên địa bàn toàn tỉnh do ngành Y tế quản lý là: 5.398 cơ sở, số cơ sở thuộc quản lý tại: tuyến xã có 3.517 cơ sở, tuyến huyện có 1.534 cơ sở, tuyến tỉnh 347 cơ sở.

- Số cơ sở có GCN đủ điều kiện/ Tổng số cơ sở phải cấp GCN: tuyến xã: 0/0 (0%) tuyến huyện: 801/870 (92%), tuyến tỉnh: 207/239 (86,6%).

### **7. Hoạt động cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (Bảng biểu 6)**

Trong 9 tháng đầu năm, ngành Y tế đã cấp mới 187 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, tỉ lệ cấp giấy đạt 90,9%.

### **8. Công tác tiếp nhận hồ sơ công bố và tự công bố chất lượng sản phẩm**

Trong 9 tháng đầu năm, Chi cục đã tiếp nhận 106 bản tự công bố sản phẩm cho các sản phẩm nước uống đóng chai, nước đá dùng liền, chai nhựa pet, cao trà thảo mộc, ước mắm,... đưa số sản phẩm có công bố chất lượng sản phẩm trên toàn tỉnh 783 sản phẩm.

### **9. Các hoạt động khác:**

Trong 9 tháng đầu năm, toàn tỉnh đã triển khai 102 đoàn giám sát, tư vấn, hướng dẫn cho 2.641 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể, thức ăn đường phố thực hiện việc đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ, thực hành của người trực tiếp chế biến và bổ sung các giấy tờ liên quan đến việc kinh doanh dịch vụ ăn uống theo đúng quy định của pháp luật. Sử dụng test nhanh để kiểm tra 602 mẫu thực phẩm (gồm: bún, bánh ướt, phở, các loại chả, mít, khuôn đậu...), kết quả tất cả các mẫu đều đạt.

Triển khai giám sát đảm bảo ATTP tại các cơ sở dịch vụ ăn uống, nhà hàng khách sạn, bếp ăn phục vụ cho các lễ hội, sự kiện diễn ra trên địa bàn toàn tỉnh: Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành Đảng bộ Quân khu 4 (khóa XXI) nhiệm kỳ 2020-2025, Hội Nghị thương mại xuyên biên giới chung Lao Bảo – Desavan, Hội khỏe Phù Đồng, Hội nghị tại khách sạn Mường Thanh, Giải vô địch trẻ Quốc gia Bóng chuyền trong nhà tại tỉnh Quảng Trị năm 2024, Giải Marathon tỉnh Quảng Trị năm 2024 "Hành trình về đất lửa", Kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh Đại học, Giáo dục nghề nghiệp năm 2024, Lễ khởi công Dự án Cảng hàng không Quảng Trị, Hội nghị công bố Quy hoạch tỉnh Quảng Trị và Ngày hội đạp xe Vì Hòa bình năm 2024, Giám sát an toàn thực phẩm phục vụ Lễ hội Văn hóa - Âm thực “Hương vị miền hoa nắng” và Đêm nhạc Trịnh Công Sơn “Khúc ca hòa bình”, kỳ Hành hương thường niên La Vang năm 2024, kỷ niệm 70 năm truyền thống Vĩnh Linh.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

### **1. Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của UBND tỉnh, Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh ATTP tỉnh, Sở Y tế, sự phối hợp chặt chẽ của các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể và sự hưởng ứng của quần chúng nhân dân nên công tác thông tin truyền thông trong dịp Tết, Tháng hành động triển khai đa dạng, phong phú với nhiều hình thức: tổ chức thành công 02 Lễ phát động, xây dựng 02 phóng sự truyền hình đảm bảo an toàn thực phẩm Tết Giáp Thìn 2024 và Đảm bảo an toàn thực phẩm mùa nắng nóng, phối hợp với Đài Phát thanh truyền hình phát thanh trực tiếp 2 chuyên mục: An toàn thực phẩm trong mùa nắng nóng, nhịp cầu pháp luật, nói chuyện, tập huấn, loa tuyên truyền, đăng tin bài trên Zalo, Facebook, trang thông tin điện tử,...tạo được sự lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng.

- Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP các cấp đã chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Kế hoạch của Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh về việc triển khai trong các đợt cao điểm về ATTP; Ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an toàn thực phẩm yêu cầu các đơn vị chuyên môn thực hiện các hoạt động tuyên truyền, kiểm tra và lấy mẫu thực phẩm kiểm nghiệm chất lượng an toàn thực phẩm.

- Qua công tác kiểm tra, giám sát cho thấy phần lớn các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện đúng các quy định pháp luật về sản xuất, kinh doanh thực phẩm. So với những năm trước, ý thức chấp hành pháp luật của người sản xuất kinh doanh thực phẩm ngày càng được nâng cao, nên không xảy ra các trường hợp vi phạm nghiêm trọng về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

- Công tác cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và tiếp nhận hồ sơ tự công bố chất lượng sản phẩm đã được triển khai theo đúng thời gian, kế hoạch.

## **2. Khó khăn:**

- Công tác quản lý về an toàn thực phẩm còn khó khăn như: Một số cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố, cơ sở nhỏ lẻ kinh doanh thực phẩm theo mùa chưa quản lý được; Cơ sở kinh doanh thực phẩm thường xuyên biến động thay đổi nên khó khăn cho công tác quản lý.

- Còn nhiều cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống chưa có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nên gây khó khăn trong phân cấp, quản lý, cấp giấy chứng nhận.

- Ngộ độc thực phẩm vẫn xảy ra (*do độc tố tự nhiên trong cây Dầu mè*). Ý thức của người dân về nhận biết sử dụng các loại thực phẩm tự nhiên có chứa độc tố còn hạn chế, nhất là trẻ em miền núi.

- Tuyển huyện, xã chưa trang bị được các test kiểm tra nhanh để hỗ trợ cho công tác kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm.

- Thực trạng vẫn còn phát hiện một số cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm các quy định về bảo đảm ATTP như: Không thực hiện quy định của pháp luật về sử dụng người tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm mà không mang đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định; vi phạm về nơi kinh doanh, bày bán, bảo quản thực phẩm bị côn trùng, động vật gây hại xâm nhập; kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ; hàng hoá kiểm nghiệm không đạt chất lượng.

- Nhân lực làm công tác ATTP tại các tuyến còn mỏng, đặc biệt là cán bộ tuyến huyện và tuyến xã; cán bộ kiêm nhiệm nhiều việc nhưng phải quản lý số lượng lớn cơ sở trên địa bàn nên gặp nhiều khó khăn và bị động trong triển khai hoạt động kiểm tra.

- Trong xu thế xã hội, hoạt động thương mại điện tử ngày càng phát triển mạnh, các hình thức kinh doanh thực phẩm online bùng nổ, nhưng quy định quản lý, xử lý và truy xuất đơn vị kinh doanh còn thiếu, dẫn đến tình trạng không kiểm soát được các cơ sở kinh doanh này và chất lượng sản phẩm trên thị trường.

## **3. Đề xuất và kiến nghị:**

\* Phòng Y tế, Trung tâm Y tế:

- Kiên quyết trình các cấp có thẩm quyền xử lý, xử phạt các cơ sở vi phạm các quy định của pháp luật về ATTP theo quy định.

- Rà soát các cơ sở kinh doanh thực phẩm biến động, thay đổi để thuận lợi cho công tác quản lý.

- Tăng cường công tác triển khai cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.
- Phối hợp với chính quyền địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát, tuyên truyền hướng dẫn các cơ sở nấu ăn lưu động; các cơ sở thức ăn đường phố, bán hàng rong trước cổng trường học trên địa bàn chấp hành đúng các quy định về ATTP; phổ biến các quy định của pháp luật về đảm bảo ATTP, phòng chống ngộ độc thực phẩm cho người quản lý, người trực tiếp chế biến tại các bếp ăn tập thể của khu công nghiệp, trường học, phòng chống ngộ độc thực phẩm do độc tố tự nhiên.
- Tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo UBND xã, phường phân công cụ thể cho công chức phụ trách quản lý ATTP theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; Quyết định 10/2021/QĐ-UBND ngày 7/4/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của ngành y tế trên địa bàn tỉnh.

### **III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 3 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

#### **1. Công tác tham mưu, quản lý, chỉ đạo, điều hành:**

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP trong tình hình mới; Kế hoạch số 5774/KH-UBND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh về Bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 112/KH-UBND, Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới, Kế hoạch số 91-KH/TU ngày 23/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới, Kế hoạch số 04/KH-SYT ngày 11/01/2021 về Triển khai Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 95/KH-SYT ngày 30/12/2021 của Sở Y tế về đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025.

- Tham mưu Sở Y tế, BCĐLN về VSATTP tỉnh xây dựng Kế hoạch công tác đảm bảo ATTP trong dịp Tết Nguyên đán Ất Ty năm 2025.

#### **2. Công tác quản lý cơ sở thực phẩm và cấp giấy:**

##### **2.1. Công tác phân cấp quản lý ATTP:**

Tiếp tục rà soát, lập danh sách cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh và cấp huyện phù hợp thực tế.

##### **2.2. Công tác Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và tiếp nhận công bố:**

- Thẩm xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và hồ sơ công bố; tự công bố chất lượng sản phẩm.
- Thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.
- Tiếp nhận bản tự công bố và đăng công khai danh sách công bố theo quy định.

### **3. Công tác kiểm tra:**

#### **3.1. Công tác kiểm tra liên ngành:**

Tham mưu Sở Y tế thực hiện kế hoạch kiểm tra liên ngành trong dịp Tết Nguyên Đán năm 2025.

#### **3.2. Công tác kiểm tra chuyên ngành:**

Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra chuyên ngành Kế hoạch số 34/KH-BCĐ ngày 07/02/2024 của Ban chỉ đạo liên ngành về VSATTP tỉnh về triển khai kế hoạch hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và Kế hoạch số 97/KH-SYT ngày 25/12/2023 của Sở Y tế về việc triển khai công tác kiểm tra về an toàn thực phẩm năm 2024.

### **4. Công tác thông tin, giáo dục, tuyên truyền ATTP:**

- Tổ chức các hoạt động truyền thông về ATTP từ tuyến tỉnh, tuyến huyện, đến phường xã, thôn bản: Tổ chức tuyên truyền nội dung Chỉ thị của Đảng, các quy định của pháp luật về công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, tổ chức các hoạt động truyền thông trực tuyến và gián tiếp qua các phương tiện thông tin đại chúng như loa phát thanh từ các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố đến Trạm Y tế phường, xã và các khu vực chợ, thôn bản. Tổ chức truyền thông lồng ghép thông qua các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát, tư vấn trực tiếp.

- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị truyền thông, báo đài trên địa bàn xây dựng các phóng sự, viết tin, bài tuyên truyền chính sách, pháp luật về ATTP, cảnh báo nguy cơ mất an ATTP, kiến thức phòng ngừa ngộ độc thực phẩm. Phối hợp với Ban quản lý các chợ triển khai truyền thông đến các hộ tiểu thương bằng hình thức phát tờ rơi, áp phích tuyên truyền và thông qua hệ thống loa phát thanh tại chợ. Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố, Ban quản lý khu công nghiệp triển khai các hoạt động tư vấn, hướng dẫn, giám sát công tác đảm bảo ATTP tại bếp ăn bán trú của các trường học, khu công nghiệp.

- Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn công tác quản lý ATTP, hướng dẫn kiến thức thực hành trong sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác đảm bảo ATTP của các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, trách nhiệm của cộng đồng, của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Trên đây là Báo cáo công tác đảm bảo an toàn thực phẩm 9 tháng đầu năm và Kế hoạch hoạt động 3 tháng cuối năm 2024, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm kính báo cáo Sở Y tế./.

#### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các phòng thuộc Chi cục;
- PYT, TTYT huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, TH.

**CHI CỤC TRƯỞNG**

**Hoàng Đình Ân**

**PHỤ LỤC**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-CC ngày /9/2024 của Chi cục ATVSTP)

**Bảng biểu 1: Kết quả hoạt động thông tin truyền thông**

| TT | Nội dung hoạt động                                                                   | Tuyến xã (1)        |          | Tuyến huyện (2)        |          | Tuyến tỉnh (3)   |          | Cộng (1+2+3)     |          |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------|------------------------|----------|------------------|----------|------------------|----------|
|    |                                                                                      | Số buổi/lớp /tin/xã | Số lượng | Số buổi/lớp/ tin/huyện | Số lượng | Số buổi/lớp /tin | Số lượng | Số buổi/lớp /tin | số lượng |
| 1  | Nói chuyện (buổi/tổng số người dự)                                                   | 240                 | 8.685    | 2                      | 243      | 0                | 0        | 242              | 8.928    |
| 2  | Hội thảo/Tập huấn (lớp/tổng số người dự)                                             | 6                   | 178      | 22                     | 878      | 6                | 731      | 34               | 1.787    |
| 3  | Phát thanh loa, đài (xã thực hiện/ Lượt phát)                                        | 134                 | 2.703    | 9                      | 17       | 15               | 58       | 158              | 2.778    |
| 4  | Truyền hình (buổi,tọa đàm,phóng sự/ Lượt phát)                                       | 0                   | 0        | 2                      | 5        | 5                | 15       | 7                | 20       |
| 5  | Báo viết (tin, bài/ lượt đăng)                                                       | 0                   | 0        | 9                      | 10       | 72               | 78       | 81               | 88       |
| 6  | Băng rôn, khẩu hiệu (số xã thực hiện/ cái)                                           |                     | 283      |                        | 95       |                  | 77       |                  | 455      |
| 7  | Ap-phích/Posters (số xã thực hiện/tờ)                                                |                     | 218      |                        | 84       |                  | 240      |                  | 542      |
| 8  | Mũ tuyên truyền (cái)                                                                | 0                   | 0        | 0                      | 0        |                  | 500      |                  | 500      |
| 9  | Tờ gấp/tờ rơi (số xã thực hiện/tờ)                                                   |                     | 6.061    |                        | 2.428    |                  | 7.508    |                  | 15.997   |
| 10 | Đĩa tuyên truyền (số xã thực hiện/cái)                                               |                     | 27       |                        | 5        |                  | 32       |                  | 64       |
| 11 | Xe tuyên truyền (số xã thực hiện/số lượt)                                            |                     | 0        |                        | 8        |                  | 1        |                  | 9        |
| 12 | Số chợ được tuyên truyền hướng dẫn (tổng số chợ/Lượt tuyên truyền)                   | 42                  | 264      | 32                     | 167      | 11               | 11       | 85               | 201      |
| 13 | Tư vấn trực tiếp (thanh kiểm tra, giám sát) (đợt/tổng số cơ sở tuyên truyền, tư vấn) | 191                 | 4.175    | 53                     | 1.635    | 19               | 316      | 222              | 3.489    |
| 14 | Số cơ sở được giám sát (đợt/cơ sở giám sát)                                          | 77                  | 1.374    | 58                     | 1.066    | 13               | 201      | 148              | 2.641    |

**Bảng biểu 2: Kết quả hoạt động kiểm tra chi tiết toàn tỉnh**

[illegible]

| TT  | Nội dung                                                                           | Tuyến xã          |      |            |                |             | Tuyến huyện       |      |            |                |             | Tuyến tỉnh        |      |            |                |             | Cộng<br>(1+2+3) |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------|------------|----------------|-------------|-------------------|------|------------|----------------|-------------|-------------------|------|------------|----------------|-------------|-----------------|
|     |                                                                                    | Sản<br>xuất<br>TP | KDTP | KD<br>DVẤU | KD<br>TẮĐ<br>P | Cộng<br>(1) | Sản<br>xuất<br>TP | KDTP | KD<br>DVẤU | KD<br>TẮĐ<br>P | Cộng<br>(2) | Sản<br>xuất<br>TP | KDTP | KD<br>DVẤU | KD<br>TẮĐ<br>P | Cộng<br>(3) |                 |
|     | + Giấy XNQC                                                                        | -                 | -    | -          | -              | -           | -                 | -    | -          | -              | -           | -                 | -    | -          | -              | -           | -               |
| b   | Đình chỉ hoạt<br>động                                                              | -                 | -    | -          | -              | -           | -                 | -    | -          | -              | -           | 2                 | -    | -          | -              | -           | 2               |
| c   | Tịch thu tang<br>vật                                                               | -                 | -    | -          | -              | -           | -                 | -    | -          | -              | -           | -                 | -    | -          | -              | -           | -               |
| 3.3 | Khắc phục hậu<br>quả ( <i>loại, trọng<br/>lượng</i> ):                             | -                 | 2    | -          | -              | 2           | -                 | -    | -          | -              | -           | -                 | -    | -          | -              | -           | 4               |
|     | Buộc thu hồi                                                                       | -                 | -    | -          | -              | -           | -                 | -    | 3          | -              | 3           | -                 | 2    | -          | -              | 2           | 5               |
|     | Buộc tiêu hủy                                                                      | 0                 | 23   | 0          | 0              | 23          | 0                 | 32   | 2          | 0              | 34          | -                 | 2    | -          | -              | 2           | 59              |
|     | Khác (ghi rõ)                                                                      | -                 | -    | -          | -              | -           | -                 | -    | -          | -              | -           | -                 | -    | -          | -              | -           | -               |
| 4   | Xử lý khác                                                                         | -                 | -    | -          | -              | -           | -                 | -    | -          | -              | -           | -                 | -    | -          | -              | -           | -               |
| 4.1 | Đình chỉ lưu<br>hành                                                               | -                 | -    | -          | -              | -           | -                 | -    | -          | -              | -           | -                 | -    | -          | -              | -           | -               |
| 4.2 | Chuyển cơ quan<br>điều tra                                                         | -                 | -    | -          | -              | -           | -                 | -    | -          | -              | -           | -                 | -    | -          | -              | -           | -               |
| 5   | Khác: (không xử<br>lý, chỉ nhắc nhở<br>cơ sở khắc phục<br>các tồn tại, vi<br>phạm) | 28                | 76   | 123        | 34             | 261         | 6                 | 27   | 74         | 0              | 107         | 1                 | 0    | 0          | 0              | 1           | 369             |

**Bảng biểu 3: Kết quả kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ hoạt động kiểm tra**

| <b>TT</b>         | <b>Nội dung</b>                                     | <b>Tuyến xã<br/>(1)</b> | <b>Tuyến huyện<br/>(2)</b> | <b>Tuyến<br/>tỉnh (3)</b> | <b>Cộng<br/>(1+2+3)</b> |
|-------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|---------------------------|-------------------------|
| <b>1</b>          | <b><i>Xét nghiệm tại labo<br/>(Tổng số mẫu)</i></b> | <b>0</b>                | <b>0</b>                   | <b>21</b>                 | <b>21</b>               |
| 1.1               | Hóa lý ( <i>Tổng số mẫu</i> )                       | 0                       | 0                          | 6                         | <b>6</b>                |
|                   | Số mẫu đạt                                          | 0                       | 0                          | 5                         | <b>5</b>                |
|                   | Số mẫu không đạt                                    | 0                       | 0                          | 1                         | <b>1</b>                |
| 1.2               | Vi sinh ( <i>Tổng số mẫu</i> )                      | 0                       | 0                          | 15                        | <b>15</b>               |
|                   | Số mẫu đạt                                          | 0                       | 0                          | 13                        | <b>13</b>               |
|                   | Số mẫu không đạt                                    | 0                       | 0                          | 2                         | <b>2</b>                |
| <b>2</b>          | <b><i>Xét nghiệm nhanh<br/>(Tổng số mẫu)</i></b>    | <b>0</b>                | <b>201</b>                 | <b>93</b>                 | <b>294</b>              |
| 2.1               | Hóa lý ( <i>Tổng số mẫu</i> )                       | 0                       | 201                        | 93                        | <b>294</b>              |
|                   | Số mẫu đạt                                          | 0                       | 197                        | 93                        | <b>190</b>              |
|                   | Số mẫu không đạt                                    | 0                       | 4                          | 0                         | <b>4</b>                |
| 2.2               | Vi sinh ( <i>Tổng số mẫu</i> )                      | 0                       | 0                          | 0                         | <b>0</b>                |
|                   | Số mẫu đạt                                          | 0                       | 0                          | 0                         | <b>0</b>                |
|                   | Số mẫu không đạt                                    | 0                       | 0                          | 0                         | <b>0</b>                |
| <b>Tổng (1+2)</b> |                                                     | <b>0</b>                | <b>201</b>                 | <b>114</b>                | <b>315</b>              |

**Bảng biểu 4: Số liệu ngộ độc thực phẩm**

| TT | Nội dung                          | Kết quả              |                   | So sánh                |
|----|-----------------------------------|----------------------|-------------------|------------------------|
|    |                                   | 9 tháng đầu năm 2024 | Cùng kỳ năm trước |                        |
| 1  | Số vụ (vụ)                        | 2                    | 01                | Tăng 1 vụ              |
| 2  | Số mắc (người)                    | 29                   | 48                | Giảm 19 người (47,39%) |
| 3  | Số tử vong (người)                | 0                    | 0                 | 0                      |
| 4  | Vụ NDTP lớn ( $\geq 30$ người/vụ) | 0                    | 0                 | 0                      |
| 5  | Nguyên nhân (vụ)                  | 0                    | 0                 | 0                      |
|    | - Vi sinh                         | 0                    | 01                | Giảm 1 vụ              |
|    | - Hóa học                         | 0                    | 0                 | 0                      |
|    | - Độc tố tự nhiên                 | 01                   | 0                 | Tăng 1 vụ              |
|    | - Không xác định                  | 01                   | 0                 | Tăng 1 vụ              |

**Bảng biểu 5: Số liệu quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm**

| T<br>T           | Nội dung                                                                | Tuyến xã                      |                                    |                              |                                               | Tuyến huyện                      |                                       |                              |                                                  | Tuyến tỉnh                           |                                      |                              |                                                 |
|------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------|
|                  |                                                                         | Tổng số cơ sở trên địa bàn xã | Số cơ sở thuộc quản lý của UBND xã | Số cơ sở có GCN đủ điều kiện | Tổng số cơ sở phải cấp GCN do UBND xã quản lý | Tổng số cơ sở trên địa bàn huyện | Số cơ sở thuộc quản lý của UBND huyện | Số cơ sở có GCN đủ điều kiện | Tổng số cơ sở phải cấp GCN do UBND huyện quản lý | Tổng số cơ sở trên địa bàn toàn tỉnh | Số cơ sở thuộc quản lý của UBND tỉnh | Số cơ sở có GCN đủ điều kiện | Tổng số cơ sở phải cấp GCN do UBND tỉnh quản lý |
| 1                | Cơ sở sản xuất thực phẩm (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) | 152                           | 0                                  | 0                            | 0                                             | 152                              | 5                                     | 5                            | 5                                                | 152                                  | 147                                  | 125                          | 143                                             |
| 2                | Cơ sở kinh doanh thực phẩm                                              | 1                             | 0                                  | 0                            | 0                                             | 1                                | 0                                     | 0                            | 0                                                | 1                                    | 1                                    | 1                            | 1                                               |
| 3                | Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống                                        | 4202                          | 2.474                              | 0                            | 0                                             | 4202                             | 1.529                                 | 796                          | 865                                              | 4202                                 | 199                                  | 81                           | 95                                              |
| 4                | Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố                                      | 1043                          | 1.043                              | 0                            | 0                                             | 1043                             | 0                                     | 0                            | 0                                                | 1043                                 | 0                                    | 0                            | 0                                               |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                         | <b>5.398</b>                  | <b>3.517</b>                       | <b>0</b>                     | <b>0</b>                                      | <b>5.398</b>                     | <b>1.534</b>                          | <b>801</b>                   | <b>870</b>                                       | <b>5.398</b>                         | <b>347</b>                           | <b>207</b>                   | <b>239</b>                                      |

**Bảng biểu 6: Kết quả số liệu quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm**

| <b>TT</b>      | <b>Loại hình</b>                                                                 | <b>Tổng số cơ sở quản lý</b> | <b>Số cơ sở phải cấp GCN Đủ điều kiện ATTP</b> | <b>Số cấp mới</b> | <b>Lũy tích</b> | <b>Tỷ lệ cấp (%)</b> |
|----------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------|-------------------|-----------------|----------------------|
| 1              | Cơ sở sản xuất thực phẩm ( <i>bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh</i> ) | 152                          | 148                                            | 27                | 130             | 87,8                 |
| 2              | Cơ sở kinh doanh thực phẩm                                                       | 1                            | 1                                              | 0                 | 1               | 100                  |
| 3              | Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống                                                 | 5.245                        | 960                                            | 160               | 877             | 91,4                 |
| <b>Tổng số</b> |                                                                                  | <b>5.398</b>                 | <b>1.109</b>                                   | <b>187</b>        | <b>1.008</b>    | <b>90,9</b>          |